

Số: 86/BC-ĐHBKG

TP. Giả, ngày 20 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

(Bản tóm tắt công khai)

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo; Hội đồng trường Trường Đại học Bách khoa Giả.

Thực hiện quy định về công khai đối với cơ sở giáo dục đại học tại Luật Giáo dục đại học (sửa đổi, bổ sung năm 2018), Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Trường Đại học Bách khoa Giả báo cáo kết quả hoạt động năm 2025 (từ 01/01/2025 đến 31/12/2025) như sau:

PHẦN I. TỔNG QUAN

Trường Đại học Bách khoa Giả được thành lập theo Quyết định số 426/QĐ ngày 15/7/1975 của Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp, là cơ sở giáo dục đại học công lập trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, trụ sở tại Số 54 đường Lý Thường Kiệt, phường Hưng Tây, TP. Giả, khuôn viên 24 ha. Năm 2025 là năm thứ 50 xây dựng và phát triển của Trường, đồng thời là năm đầu triển khai Chiến lược phát triển giai đoạn 2025-2035 với mục tiêu trở thành trường đại học định hướng nghiên cứu, nằm trong nhóm 10 cơ sở đào tạo kỹ thuật – công nghệ hàng đầu cả nước.

Đến 31/12/2025, Trường có 14 khoa, 01 viện nghiên cứu, 12 phòng, ban chức năng và 07 trung tâm; đào tạo 42 ngành đại học, 18 ngành thạc sĩ và 9 ngành tiến sĩ; quy mô 18.600 sinh viên chính quy, 1.240 học viên cao học và 96 nghiên cứu sinh. Đội ngũ gồm 1.126 viên chức, trong đó 820 giảng viên (62% có trình độ tiến sĩ; 11 giáo sư, 85 phó giáo sư).

Chỉ số	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	So với 2024
Số ngành đào tạo đại học	40	41	42	+1
Sinh viên đại học chính quy	17.420	18.050	18.600	+3,0%
Học viên cao học	1.080	1.165	1.240	+6,4%
Nghiên cứu sinh	78	88	96	+8
Giảng viên	768	796	820	+24
Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ	55%	58%	62%	+4 điểm
Giáo sư, phó giáo sư	82	90	96	+6
Bài báo ISI/Scopus	236	281	312	+11,0%
Doanh thu chuyển giao công nghệ (tỷ đồng)	19,8	23,6	28,5	+20,8%
Tổng thu (tỷ đồng)	412,5	448,9	486,2	+8,3%

Chỉ số	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	So với 2024
Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 12 tháng	92,1%	93,4%	94,2%	+0,8 điểm

Bảng 1. Một số chỉ số cơ bản giai đoạn 2023-2025

PHẦN II. TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ ĐỘI NGŨ

Hội đồng trường nhiệm kỳ 2025-2030 gồm 19 thành viên, Chủ tịch là GS.TS. Võ Đình Hùng, đã họp 04 phiên thường kỳ và 02 phiên bất thường, ban hành 21 nghị quyết. Ban Giám hiệu gồm Hiệu trưởng PGS.TS. Trương Quốc Bảo và 02 Phó Hiệu trưởng: PGS.TS. Đoàn Thị Kim Oanh (phụ trách đào tạo) và TS. Mai Xuân Trường (phụ trách khoa học công nghệ, hợp tác quốc tế).

Trong năm, Trường tuyển dụng 32 viên chức (26 giảng viên, 6 chuyên viên), cử 38 giảng viên đi học tiến sĩ (trong đó 21 người ở nước ngoài), 14 giảng viên hoàn thành chương trình tiến sĩ và trở về công tác; 06 giảng viên được công nhận đạt chuẩn chức danh phó giáo sư. Thu nhập bình quân của viên chức đạt 21,6 triệu đồng/tháng, tăng 7,5% so với năm 2024.

Khoa	Giảng viên	Tiến sĩ	GS, PGS	Sinh viên chính quy
Khoa Công nghệ thông tin	88	61	12	2.410
Khoa Điện	64	40	8	1.480
Khoa Điện tử – Viễn thông	62	42	9	1.320
Khoa Cơ khí	70	44	8	1.560
Khoa Cơ khí giao thông	54	32	6	1.260
Khoa Xây dựng dân dụng và công nghiệp	66	38	7	1.480
Khoa Xây dựng cầu đường	40	25	4	720
Khoa Kiến trúc	38	20	3	620
Khoa Hóa	72	50	11	1.360
Khoa Môi trường	34	22	4	500
Khoa Quản lý dự án	46	26	5	1.040
Khoa Nhiệt – Điện lạnh	36	22	4	540
Khoa Khoa học ứng dụng	90	66	12	980
Khoa Sư phạm kỹ thuật	30	16	2	380
Bộ môn chung, trung tâm, viện (giảng viên kiêm nhiệm)	30	4	1	2.950
Tổng cộng	820	508	96	18.600

Bảng 2. Đội ngũ giảng viên và quy mô sinh viên theo khoa (31/12/2025)

PHẦN III. ĐÀO TẠO

1. Tuyển sinh. Năm 2025 Trường tuyển 3.520 chỉ tiêu đại học chính quy theo 4 phương thức, số thí sinh xác nhận nhập học 3.486 (đạt 99,0%). Điểm chuẩn trung bình theo điểm thi tốt nghiệp THPT là 22,35, cao nhất là ngành Công nghệ thông tin

26,10. Tuyển sinh sau đại học đạt 412 học viên cao học và 18 nghiên cứu sinh.

2. Tổ chức đào tạo. Trường mở mới ngành Thiết kế vi mạch bán dẫn, rà soát 42 chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra; 06 chương trình được đánh giá ngoài đạt chuẩn AUN-QA, nâng tổng số chương trình đạt kiểm định lên 22. Tỷ lệ giảng viên sử dụng hệ thống học tập trực tuyến đạt 100%; 318 học phần được triển khai theo mô hình kết hợp.

3. Tốt nghiệp và việc làm. Năm 2025 có 3.412 sinh viên tốt nghiệp (đợt 1: 1.986; đợt 2: 1.426), trong đó 4,8% xếp loại xuất sắc, 26,3% loại giỏi; tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn 71,5%. Khảo sát 2.980 cựu sinh viên tốt nghiệp năm 2024 cho thấy tỷ lệ có việc làm sau 12 tháng đạt 94,2%, trong đó 86,0% làm việc đúng hoặc gần ngành đào tạo; mức lương khởi điểm bình quân 11,4 triệu đồng/tháng.

Chỉ số đào tạo	Năm 2024	Năm 2025
Chỉ tiêu tuyển sinh đại học	3.400	3.520
Nhập học đại học	3.352	3.486
Sinh viên tốt nghiệp đại học	3.284	3.412
Tốt nghiệp xuất sắc, giỏi	29,6%	31,1%
Tốt nghiệp đúng hạn	69,8%	71,5%
Sinh viên bị buộc thôi học, cảnh báo học vụ	412	368
Có việc làm sau 12 tháng	93,4%	94,2%
Chương trình đạt kiểm định chất lượng	16	22
Học bổng khuyến khích học tập (tỷ đồng)	24,8	27,3
Sinh viên được miễn, giảm học phí	1.840	1.912

Bảng 3. Kết quả đào tạo

4. Hoạt động sinh viên. Sinh viên của Trường đạt 01 giải nhất Robocon toàn quốc, 03 giải nhất Olympic Cơ học toàn quốc, 12 giải Olympic Tin học, Toán học sinh viên; 1.860 lượt sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học với 412 đề tài, 46 đề tài được chọn dự Hội nghị khoa học công nghệ sinh viên lần thứ 23. Ngày hội việc làm năm 2025 thu hút 54 doanh nghiệp và hơn 2.600 vị trí tuyển dụng.

PHẦN IV. KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

Năm 2025, cán bộ, giảng viên của Trường công bố 612 bài báo khoa học, trong đó 312 bài báo ISI/Scopus (184 bài thuộc danh mục Q1, Q2), tăng 11,0% so với năm 2024; bình quân 0,38 bài ISI/Scopus/giảng viên. Trường chủ trì thực hiện 48 đề tài các cấp, gồm 6 đề tài cấp Nhà nước/Quỹ NAFOSTED, 14 đề tài cấp Bộ, 9 đề tài cấp tỉnh/thành phố và 19 đề tài cấp Trường trọng điểm, tổng kinh phí 46,8 tỷ đồng.

Hoạt động chuyển giao công nghệ và dịch vụ khoa học công nghệ đạt doanh thu 28,5 tỷ đồng (tăng 20,8%), tập trung vào các lĩnh vực tự động hóa dây chuyền sản xuất, kiểm định công trình, xử lý nước thải và phần mềm quản lý cho các doanh nghiệp tại Khu công nghiệp Hưng Tây và các tỉnh Bắc Trung Bộ. Trường được cấp 12 bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích (5 sáng chế, 7 giải pháp hữu ích), nâng tổng số văn bằng sở hữu trí tuệ còn hiệu lực lên 41.

Chỉ số khoa học công nghệ	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Bài báo ISI/Scopus	236	281	312
Trong đó Q1, Q2	128	160	184
Bài báo trong nước (tạp chí được tính điểm)	268	290	300
Đề tài cấp Nhà nước, Quỹ NAFOSTED	4	5	6
Đề tài cấp Bộ, tỉnh/thành phố	18	21	23
Đề tài cấp Trường trọng điểm	15	17	19
Tổng số đề tài các cấp	37	43	48
Kinh phí nghiên cứu (tỷ đồng)	36,2	41,5	46,8
Doanh thu chuyển giao công nghệ (tỷ đồng)	19,8	23,6	28,5
Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	7	9	12
Nhóm nghiên cứu mạnh	6	8	10
Hội thảo quốc tế do Trường tổ chức	2	3	4

Bảng 4. Kết quả khoa học công nghệ 2023-2025

Trường ra mắt Trung tâm Đổi mới sáng tạo (tháng 11/2025) với 1.200 m² không gian làm việc chung, phòng thí nghiệm chế tạo nhanh và vườn ươm cho 14 nhóm khởi nghiệp sinh viên; tổ chức thành công Hội thảo quốc tế về Năng lượng và Môi trường bền vững lần thứ 5 với 186 báo cáo từ 12 quốc gia. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Bách khoa Giả xuất bản 06 số, được Hội đồng Giáo sư nhà nước tính điểm đến 0,75.

PHẦN V. HỢP TÁC QUỐC TẾ

Trường có quan hệ hợp tác với 38 đối tác tại 14 quốc gia, 24 thỏa thuận hợp tác còn hiệu lực; ký mới 06 thỏa thuận trong năm 2025, trong đó có thỏa thuận đào tạo song bằng ngành Trí tuệ nhân tạo và Khoa học dữ liệu. Có 112 sinh viên đi trao đổi, thực tập ở nước ngoài và 46 sinh viên quốc tế đến học tập tại Trường; 28 giảng viên đi trao đổi học thuật, 19 giáo sư nước ngoài đến giảng dạy. Trường đang vận hành 06 chương trình liên kết đào tạo quốc tế với 486 sinh viên, học viên.

Các dự án hợp tác quốc tế thu hút 1,9 triệu USD tài trợ, tập trung vào đào tạo kỹ sư vi mạch bán dẫn, chuyển đổi số trong giáo dục kỹ thuật và năng lượng tái tạo. Trường là thành viên tích cực của mạng lưới AUN/SEED-Net và Hiệp hội các trường đại học kỹ thuật ASEAN.

PHẦN VI. TÀI CHÍNH VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT

Tổng thu năm 2025 đạt 486,2 tỷ đồng, tăng 8,3% so với năm 2024; tổng chi 462,8 tỷ đồng; chênh lệch thu chi 23,4 tỷ đồng được trích lập các quỹ theo quy định (quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp 14,0 tỷ đồng, quỹ học bổng và hỗ trợ sinh viên 4,2 tỷ đồng, quỹ khen thưởng, phúc lợi 5,2 tỷ đồng). Trường thực hiện tự chủ chi thường xuyên từ năm 2022; ngân sách nhà nước cấp cho đầu tư phát triển và đặt hàng đào tạo chiếm 19,0% tổng thu.

Nguồn thu / khoản chi	Số tiền (tỷ đồng)	Tỷ trọng
Thu học phí và lệ phí	318,4	65,5%
Ngân sách nhà nước (đầu tư, đặt hàng, nghiên cứu)	92,5	19,0%
Thu khoa học công nghệ, chuyển giao và dịch vụ	48,6	10,0%
Thu khác (tài trợ, lãi tiền gửi, cho thuê)	26,7	5,5%
Tổng thu	486,2	100%
Chi thanh toán cá nhân (lương, thu nhập tăng thêm)	246,1	53,2%
Chi chuyên môn, nghiệp vụ (giảng dạy, thực hành, học bổng)	118,6	25,6%
Chi mua sắm, sửa chữa, đầu tư cơ sở vật chất	74,5	16,1%
Chi khác	23,6	5,1%
Tổng chi	462,8	100%

Bảng 5. Cơ cấu thu, chi năm 2025

Về cơ sở vật chất, Trường đưa vào sử dụng Nhà thí nghiệm Điện – Điện tử 7 tầng (12.400 m²), hoàn thành cải tạo tòa C ký túc xá (600 chỗ, phòng 4 sinh viên có điều hòa), nâng tổng số chỗ ở ký túc xá lên 2.400 chỗ trong 3 tòa A, B, C. Trung tâm Học liệu bổ sung 4.600 đầu sách, nâng tổng số lên 86.000 đầu sách và 42.000 tài liệu số, mua quyền truy cập 05 cơ sở dữ liệu quốc tế. Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo đạt 148.600 m², bình quân 8,0 m²/sinh viên.

PHẦN VII. ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Trường hoàn thành đánh giá ngoài cơ sở giáo dục chu kỳ 2 (tháng 9/2025) với 92% tiêu chí đạt yêu cầu; khảo sát mức độ hài lòng của sinh viên về hoạt động giảng dạy đạt 4,21/5, về dịch vụ hỗ trợ đạt 4,05/5. Trường triển khai hệ thống quản trị đại học tích hợp, cổng sinh viên sv.bkgia.edu.vn phiên bản mới với 100% thủ tục một cửa được số hóa, thẻ sinh viên tích hợp và thanh toán không dùng tiền mặt đạt 98,6% giao dịch học phí.

PHẦN VIII. NGƯỜI HỌC VÀ DỊCH VỤ HỖ TRỢ

Năm 2025, Trường chi 27,3 tỷ đồng học bổng khuyến khích học tập cho 2.964 lượt sinh viên và 6,8 tỷ đồng học bổng tài trợ của 42 doanh nghiệp, cựu sinh viên; miễn, giảm học phí cho 1.912 sinh viên với số tiền 14,6 tỷ đồng; xác nhận vay vốn

tín dụng sinh viên cho 1.086 trường hợp. Ký túc xá phục vụ 2.380 sinh viên nội trú (tỷ lệ lấp đầy 99,2%); Trạm Y tế khám, cấp phát thuốc 8.640 lượt; Trung tâm Hỗ trợ sinh viên tư vấn tâm lý 412 lượt và kết nối 1.240 việc làm bán thời gian.

Chỉ số hỗ trợ người học	Năm 2024	Năm 2025
Học bổng khuyến khích học tập (tỷ đồng / lượt SV)	24,8 / 2.710	27,3 / 2.964
Học bổng tài trợ (tỷ đồng / doanh nghiệp)	5,4 / 36	6,8 / 42
Sinh viên được miễn, giảm học phí	1.840	1.912
Sinh viên nội trú ký túc xá	1.780	2.380
Lượt bạn đọc Trung tâm Học liệu	386.000	421.500
Lượt mượn tài liệu / truy cập tài liệu số	98.400 / 612.000	104.200 / 745.000
Câu lạc bộ, đội, nhóm sinh viên	46	52
Sinh viên tham gia tình nguyện (lượt)	6.200	7.150
Doanh nghiệp tham gia Ngày hội việc làm / vị trí	48 / 2.200	54 / 2.600
Khảo sát hài lòng về dịch vụ hỗ trợ (điểm/5)	3,96	4,05

Bảng 6. Hỗ trợ người học

Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng được triển khai qua tuần sinh hoạt công dân, 24 buổi đối thoại giữa Ban Giám hiệu với sinh viên và hệ thống cố vấn học tập (1 cố vấn/45 sinh viên). Tỷ lệ sinh viên xếp loại rèn luyện khá trở lên đạt 91,4%; 14 sinh viên bị kỷ luật, giảm 29% so với năm 2024. Hội Sinh viên trường được Trung ương Hội tặng Cờ thi đua xuất sắc năm học 2024-2025.

PHẦN IX. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2026

1. Tuyển sinh 3.650 chỉ tiêu đại học chính quy với 42 ngành; mở mới 02 ngành thạc sĩ; hoàn thành kiểm định 04 chương trình theo tiêu chuẩn ABET và 04 chương trình theo AUN-QA.

2. Phấn đấu đạt 350 bài báo ISI/Scopus, doanh thu chuyển giao công nghệ 32 tỷ đồng, 08 đề tài cấp Nhà nước/NAFOSTED; đưa Trung tâm Đổi mới sáng tạo vào hoạt động ổn định với 20 nhóm khởi nghiệp.

3. Tuyển dụng 45 viên chức (38 giảng viên, 7 chuyên viên); nâng tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ lên 65%; cử 40 giảng viên đi đào tạo tiến sĩ.

4. Khởi công Nhà học đa năng 9 tầng (vốn ngân sách 186 tỷ đồng); hoàn thành chuyển đổi số toàn diện hoạt động quản trị; tổ chức Lễ kỷ niệm 51 năm thành lập và Hội nghị khoa học công nghệ sinh viên lần thứ 24.

5. Giữ tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 12 tháng trên 94%; tổ chức Ngày hội việc làm 2026 với trên 60 doanh nghiệp; mở rộng quỹ học bổng khuyến khích học tập lên 30 tỷ đồng.

Trường Đại học Bách khoa Giả trân trọng báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng trường và công khai đến toàn thể viên chức, người học, các đối tác và xã hội./.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (b/c);
- Hội đồng trường (b/c);
- UBND Thành phố Giả;
- Các đơn vị trong trường;
- Công khai trên website;
- Lưu: VT, KHCN, KHTC;

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

PGS.TS. Trương Quốc Bảo

PHỤ LỤC. BẢNG CHỈ SỐ HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU NĂM 2025*(Kèm theo Báo cáo số 86/BC-ĐHBMKG ngày 20/3/2026)*

STT	Chỉ số	Đơn vị	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	Đạt (%)
1	Chỉ tiêu tuyển sinh đại học	sinh viên	3.520	3.486	99,0
2	Quy mô sinh viên chính quy	sinh viên	18.500	18.600	100,5
3	Sinh viên tốt nghiệp	sinh viên	3.300	3.412	103,4
4	Tỷ lệ có việc làm sau 12 tháng	%	93,5	94,2	100,7
5	Giảng viên	người	815	820	100,6
6	Tỷ lệ giảng viên tiến sĩ	%	61	62	101,6
7	Bài báo ISI/Scopus	bài	300	312	104,0
8	Đề tài các cấp	đề tài	45	48	106,7
9	Đề tài cấp Nhà nước/NAFOSTED	đề tài	5	6	120,0
10	Doanh thu chuyển giao công nghệ	tỷ đồng	26,0	28,5	109,6
11	Bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích	bằng	10	12	120,0
12	Chương trình đạt kiểm định (lũy kế)	chương trình	22	22	100,0
13	Sinh viên trao đổi quốc tế	lượt	100	112	112,0
14	Tổng thu	tỷ đồng	470,0	486,2	103,4
15	Chi đầu tư cơ sở vật chất	tỷ đồng	70,0	74,5	106,4
16	Chỗ ở ký túc xá	chỗ	2.400	2.400	100,0
17	Đầu sách Trung tâm Học liệu	đầu sách	85.000	86.000	101,2
18	Mức độ hài lòng của sinh viên về giảng dạy	điểm/5	4,10	4,21	102,7
19	Quỹ học bổng khuyến khích học tập	tỷ đồng	26,0	27,3	105,0
20	Doanh nghiệp tham gia Ngày hội việc làm	doanh nghiệp	50	54	108,0